

LỊCH SỬ – VĂN HÓA

LƯỢC SỬ SỰ PHÁT TRIỂN VÀ NGHIÊN CỨU CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH GIẢNG DẠY TIẾNG HÁN CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI TRUNG QUỐC

TS. MÃ HỒNG TRÌNH

Viện Nhân văn Học viện ngoại ngữ Chiết Giang, Trung Quốc

PGS.TS. LA VĂN THANH

Viện Ngoại ngữ Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc

Khái niệm “对外汉语教学” thường được hiểu với nghĩa là “Giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài”. Trong “Đại bách khoa toàn thư Trung Quốc·Ngôn ngữ và chữ viết” (中国大百科全书·语言文字), khái niệm này được giải thích là “Giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài”, dịch sang tiếng Anh là “the teaching of Chinese to foreigners”. Song, do giới hạn về khu vực và vấn đề dân tộc, khái niệm này đã loại bỏ việc giảng dạy tiếng Hán tại khu vực ngoài Trung Quốc và giảng dạy tiếng Hán cho các dân tộc thiểu số tại Trung Quốc. Chẳng hạn, một số nước có ngành giảng dạy gọi là “dạy Trung Văn (tiếng Trung)”, “dạy Quốc ngữ Trung Quốc”, “dạy Hoa Văn (tiếng Hoa)” thì không thuộc phạm vi khái niệm này. Khái niệm “对外汉语教学” lần đầu tiên đưa ra vào năm 1983,

sau đó được nhiều người tiếp thu sử dụng và ngữ nghĩa cũng được mở rộng thêm so với nghĩa lúc đầu, tức là đã bao gồm tất cả công việc giảng dạy tiếng Hán như một ngôn ngữ thứ hai.

Khái niệm “Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài” ít nhất phải gồm ba lớp nghĩa: Giảng dạy, ngành học và sự nghiệp. “Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài” vốn chỉ có nghĩa là giảng dạy ngôn ngữ. Nhìn từ góc độ ngành học, thì “Dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài” là một trong những công việc giảng dạy ngôn ngữ, là một nhánh của ngành Ngôn ngữ học ứng dụng. Nhìn từ góc độ sự nghiệp, thì vấn đề này liên quan đến nhiều mặt. Vì thế, năm 1988, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về công tác Giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài tại Trung Quốc đã nêu rõ “Dạy học tiếng Hán cho

người nước ngoài là sự nghiệp của nhà nước và của dân tộc”. Do các hoạt động dạy tiếng Hán thường được thể hiện tại hai lớp nghĩa “Sự nghiệp và ngành học”, vậy trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu trình bày hai vấn đề về sự nghiệp và ngành học nhằm khái quát tình trạng phát triển của ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài. Ngoài ra, chúng tôi cũng điểm lại lịch sử nghiên cứu về ngành học này tại Trung Quốc hiện nay, mong rằng có thể giúp ích cho những người quan tâm đến vấn đề này.

1. Lược sử sự phát triển ngành giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài

Hoạt động giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài tại Trung Quốc xuất hiện khá sớm. Theo giới thiệu của tác giả Zhang Dexin (张德鑫)[11], trong các bài thông dịch được nhắc đến trong Chu Lễ (周礼) cách nay khoảng 2500-2600 năm, và trong Lễ Ký (礼记) đầu thời nhà Tần, hoạt động này đã manh nha xuất hiện. Từ thời Hán trở đi đã có rất nhiều người nước ngoài và người dân tộc khác tới Trung Nguyên học tiếng Hán. Tại nước ngoài, năm 372 CN, Triều Tiên chính thức mở Thái học để giảng dạy tiếng Hán. Bắt đầu từ thế kỉ I cho đến thế kỉ X, Phật giáo được truyền vào Việt Nam, vì muốn đọc hiểu và nghiên cứu Phật Kinh, người Việt Nam đã bắt đầu học tiếng Hán và chữ Hán. Sau thế kỉ XVII, các giáo sĩ đưa việc dạy học tiếng Hán về tới các nước châu Âu như Đức, Pháp, Ý, v.v... Nhưng, trước khi thành lập Nước cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thì Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài chưa phải là một sự nghiệp và chưa trở thành một ngành học chuyên môn.

Tháng 7/1957, Đại học Thanh Hoa mở lớp tiến tu ngữ văn Trung Quốc cho sinh viên đến từ các nước Đông Âu theo chế độ trao đổi lưu học sinh. Sự kiện này đánh dấu việc Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài bắt đầu trở thành một sự nghiệp và một ngành học tại Trung Quốc. Trong quá trình phát triển khoảng 60 năm nay, lấy cuộc cải cách mở cửa cuối thập kỉ 70 thế kỉ trước làm ranh giới, chúng ta có thể chia ra hai thời kì như sau:

1.1. Thời kì trước Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa, từ đầu thập kỉ 50 cho đến cuối thập kỉ 70 thế kỷ trước. Thời kỳ này chia thành ba giai đoạn sau:

1) *Giai đoạn sơ cấp*. Từ đầu thập kỉ 50 cho đến đầu thập kỉ 60, các trường như Đại học Thanh Hoa, Đại học Bắc Kinh và Học viện Ngoại ngữ Bắc Kinh đều thành lập cơ cấu chuyên môn giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, sơ bộ hình thành một đội ngũ cán bộ chuyên trách giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, tiếp nhận khoảng 3.315 lưu học sinh của 60 nước đến học tiếng Hán, và bắt đầu cử cán bộ giảng dạy tiếng Hán tới các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

2) *Giai đoạn phát triển*. Từ đầu thập kỉ 60 cho đến trung kỳ thập kỉ 60 (trước Đại cách mạng Văn hóa), Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh được chính thức thành lập, đây là trường đại học duy nhất của Trung Quốc lúc bấy giờ lấy Giảng dạy và nghiên cứu dạy tiếng Hán cho người nước ngoài làm nhiệm vụ chủ yếu. Sau đó Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh từng đổi tên là Đại học Văn hóa ngôn ngữ Bắc Kinh, tức Đại học Ngôn ngữ Bắc

Kinh hiện nay. Từ đó, quy mô dạy tiếng Hán không ngừng phát triển, số trường đại học có điều kiện đảm nhiệm công việc giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đạt tới 20 trường. Nhưng trong những năm trước Cách mạng văn hóa 5 năm, việc giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài hầu như hoàn toàn bị dừng lại.

3) *Giai đoạn khôi phục.* Từ đầu thập kỉ 70 cho đến hậu kì thập kỉ 70. Thời kì này các trường như Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh, Đại học Bắc Kinh, Đại học Phúc Đán đã lần lượt khôi phục tuyển sinh ngành học này, công việc dạy học tiếng Hán cho cán bộ ngoại giao và phát thanh viên cũng lần lượt được khôi phục lại[11].

1.2. Thời kì Trung Quốc thực hiện công cuộc cải cách mở cửa, từ cuối thập kỉ 70 cho đến hiện nay. Với sự kết thúc của Đại cách mạng Văn hóa, thời kì này Trung Quốc bắt đầu thực hành chính sách cải cách mở cửa, vì thế sức mạnh tổng hợp của nước được tăng cường, sự nghiệp dạy tiếng Hán cho người nước ngoài cũng giành được một loạt thành quả đáng mừng như: Ban lãnh đạo dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài cấp nhà nước được thành lập do nhiều cấp, ngành phối hợp. Đã thành lập cơ cấu thường trực với tên gọi là Ban lãnh đạo dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài cấp nhà nước (gọi tắt là “国家汉办”); Đã xây dựng lên hơn 500 trường Học viện Khổng Tử và Giảng đường Khổng Tử với mục đích phi thương nghiệp; Đã ban bố Cuộc thi trình độ tiếng Hán Trung Quốc (HSK) cấp nhà nước; Đã thiết lập các hình thức giải thưởng được

chính phủ ủng hộ như Giải thưởng Hữu nghị Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc, Cuộc thi tiếng Trung sinh viên thế giới Cầu vòng Hán ngữ...; Đã xây dựng cơ cấu dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài với hơn 600 trường làm cơ sở đào tạo; Đã đào tạo một đội ngũ cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm với gần 10.000 người để giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài. Bên cạnh đó, chính phủ Trung Quốc không ngừng đẩy mạnh hỗ trợ cho việc giảng dạy tiếng Hán tại hải ngoại, những công việc như cử cán bộ sang nước ngoài dạy tiếng Hán, đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy tiếng Hán đều được triển khai tại các nước Đông Nam Á và dần dần mở rộng sang các nước Âu Mỹ. Đồng thời, chính phủ Trung quốc còn cung cấp sách giáo khoa dạy học tiếng Hán cho các trung tâm dạy học tiếng Hán tại nước ngoài, và đã thiết lập nhiều trung tâm và cơ sở dạy học tiếng Hán tại hải ngoại. Ngoài ra, công việc dạy tiếng Hán tại Hồng Kông, Đài Loan và Ma Cao cũng được phát triển rất nhanh, cùng nhau góp phần lớn vào công cuộc dạy học tiếng Hán.

Trong những thành tựu về công cuộc dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, một tiêu chí rõ ràng nhất là tốc độ tăng nhanh về số lượng lưu học sinh đến học tiếng Hán tại Trung Quốc. Các cấp học được nâng cao một cách ổn định, mục đích học tập và hình thức học tập cũng ngày càng đa dạng. Trong thời gian từ năm 2001-2008, tỉ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm về số lượng lưu học sinh đến học tại Trung Quốc vượt 20%. Riêng năm 2008, số lượng lưu học sinh đến

học tập tại Trung Quốc đã đạt tới 223.500 người, số lượng nước và khu vực cũng tăng tới hơn 180 trở lên. Các cấp học và ngành học cũng từ giáo dục dự bị ngôn ngữ trước đây phát triển đến các bậc giáo dục gồm các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, sự phân bố về ngành học cũng từ vài ngành học hẹp như ngành ngôn ngữ, ngành trung y, ngành nông nghiệp mở rộng đến các ngành học văn, sử, triết, chính trị, kinh tế, pháp luật, công nghệ thông tin, công nghiệp, nông nghiệp, y học...[3]

2. Sự phát triển ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài

Tuy hoạt động dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài xuất hiện rất sớm, nhưng với tư cách là một ngành học độc lập thì phải cho đến sau khi thực hành cải cách mở cửa mới được thừa nhận. Nhằm phát triển sự nghiệp xây dựng ngành học dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, chính phủ Trung Quốc, các cơ cấu giáo dục và các chuyên gia học giả cũng như các nhà giáo dục đã say mê làm việc trong một thời gian lâu dài.

Trước khi cải cách mở cửa, dạy tiếng Hán cho người nước ngoài chỉ đào tạo tiếng Hán dự bị, tức đào tạo không có bằng đại học. Năm 1978, tác giả Lu Bisong (吕必松) lần đầu tiên nêu ra ý kiến: “Nên coi dạy tiếng Hán cho người nước ngoài là một ngành học chuyên môn, các trường đại học phải thiết lập ngành học chuyên môn để đào tạo giáo viên dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, và phải thành lập cơ cấu nghiên cứu chuyên môn.” Năm 1983, trong hội nghị trừ bị Hội nghiên cứu dạy tiếng Hán cho người nước ngoài của Hội giáo dục học Trung Quốc (tiền

thân Hội giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài Trung Quốc), các học giả đã đưa ra thuật ngữ ngành học này là “对外汉语教学” (dạy tiếng Hán cho người nước ngoài), cũng năm đó, bộ giáo dục Trung Quốc phê duyệt đặt ngành Giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài hệ đại học tại Học viện Ngôn ngữ Bắc Kinh. Năm 1984, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục He Dongchang (何东昌) nêu rõ “Qua nhiều năm, thực tiễn đã chứng minh rằng, dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã trở thành một ngành học mới.” Đây là lần đầu tiên ngành học này được chính phủ Trung Quốc thừa nhận. Năm 1988, Bộ Giáo dục Trung Quốc đặt “Ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài” vào ngành học cấp 2, dưới ngành học cấp 1 là ngành Ngôn ngữ văn học Trung Quốc (Trung Quốc học). Từ đó, địa vị ngành học dạy tiếng Hán cho người nước ngoài được chính thức xác định.

Sau đó, Hội giảng dạy tiếng Hán quốc tế, Hội dạy tiếng Hán cho người nước ngoài Trung Quốc được lần lượt thành lập, các tạp chí khoa học như: Giảng dạy tiếng Hán quốc tế, Ứng dụng ngôn ngữ và chữ viết cũng được lần lượt thành lập, các nhà xuất bản chuyên xuất bản các loại sách dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài cũng được xuất hiện, như nhà xuất bản Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh, nhà xuất bản giảng dạy tiếng Hoa... Những hiện tượng trên chứng tỏ ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã được phát triển một cách rất nhanh.

Sự phát triển ngành học dạy tiếng Hán cho người nước ngoài chủ yếu thể hiện trên phương diện cơ chế giảng dạy, lấy việc kiến thiết ngành học làm trung tâm. Tại Trung

Quốc, hệ thống ngành học bậc đại học và bậc sau đại học hoàn toàn khác nhau, và chỉ có hệ thống các ngành học chuyên nghiệp sau đại học mới có đủ thẩm quyền để kiến thiết ngành học và phương hướng phát triển ngành học. Như vậy, “Ngành học cấp 2” muốn thực sự trở thành ngành học độc lập có địa vị học thuật thì buộc phải nhập vào hệ thống ngành học chuyên nghiệp bậc sau đại học. Tuy ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài thuộc “Ngành học cấp 2” chưa có tư cách đào tạo sau đại học, nhưng bắt đầu từ năm 1988 thì Học viện ngôn ngữ Bắc Kinh đã thành lập cơ sở đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài dưới chuyên ngành tiếng Hán hiện đại. Năm 1997, ngôn ngữ học ứng dụng với nội dung chính là giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã được chính thức cho vào danh sách ngành học cấp 2, trường Đại học Ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh lại mở thêm ngành học ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng để đào tạo tiến sĩ. Năm 1999, trường Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh xây dựng cơ sở đào tạo tiến sĩ ngành Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đầu tiên tại Trung Quốc, bắt đầu có thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh của ngành học này và bắt đầu đào tạo nhân tài cao cấp về ngành này. Vì vậy hệ thống giáo dục hoàn chỉnh về học vị “đại học - thạc sĩ - tiến sĩ” của ngành Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã được hình thành.

Đáng mừng nhất là hiện nay có một số trường đã có thể tự xây dựng cơ sở đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngành học cấp 2 “dạy học

tiếng Hán cho người nước ngoài (giảng dạy)” nằm trong ngành học cấp 1 “Ngôn ngữ văn học Trung Quốc”, chẳng hạn trường Đại học Nam Kinh, Đại học Sư phạm Hoa Đông, v.v... Năm 2007, học vị thạc sĩ với ngành “giáo dục quốc tế tiếng Hán” cũng được phép thành lập, việc này không những là một điểm mới rất quan trọng về lĩnh vực ngành học này, mà đồng thời cũng đánh dấu sự chuyển biến của việc giảng dạy tiếng Hán với tư cách là giảng dạy ngoại ngữ. Ngoài ra, các hình thức giáo dục phi học lịch như dạy học tiếng Hán ngắn hạn, thực tập, dạy học tiếng Hán cho con cháu Hoa kiều, nhân viên ngoại giao, nhân viên buôn bán với các hình thức dạy học như qua đài phát thanh, giáo dục tại chức, hàm thụ, giáo dục từ xa... cũng được phát triển mạnh mẽ. Hiện nay, dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã từ một ngành học dạy tiếng Hán cơ sở mang tính dự bị đại học phát triển thành một hệ thống giảng dạy khá hoàn thiện với đa mô hình, đa bậc đào tạo như bậc đào tạo đại học, đào tạo sau đại học, đào tạo tiến tu, đào tạo cán bộ giáo viên v.v...[2]

Là một ngành học chuyên môn, dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài cũng thể hiện ở các mặt cụ thể liên quan đến các hoạt động giảng dạy. Như chúng ta biết, giáo trình là sự thể hiện tập trung nhất về phương pháp giảng dạy, trình độ giảng dạy và thành quả nghiên cứu tương quan, có vai trò quan trọng trong quá trình giảng dạy, vì thế chúng ta lấy việc xây dựng giáo trình làm ví dụ để nhìn nhận vấn đề phát triển ngành học dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài.

Trước khi xuất hiện giáo trình chuyên nghiệp, những sách cổ Trung Quốc như “Tam Tự Kinh(三字经)”, “Bách Gia Tính(百家姓)” là giáo trình chủ yếu dùng để học tiếng Hán. Các nước đã chịu sự ảnh hưởng văn hóa Hán trong lịch sử cũng có giáo trình riêng của mỗi nước đó để học tập tiếng Hán. Chẳng hạn, trên bán đảo Triều Tiên, thời cổ đại đã sử dụng “Lão Khất Đại”(老乞大), “Phác Thông Sự”(朴通事), “Huấn Thế Bình Thoại”(训世评话), Nhật từng sử dụng “Quan thoại Cấp Tựu Thiên”(官话急就篇), “Quan Thoại Chỉ Nam”(官话指南), “Yên Kinh Phụ Ngữ”(燕京妇语), Tây Ban Nha từng sử dụng “Hoa Ngữ Vận Biên”(华语韵编), Pháp từng sử dụng “Hán Ngữ Ngữ Pháp”(汉语语法), Anh từng sử dụng “Ngữ Ngôn Tự Nhĩ Tập”(语言自迩集)... Thực ra, những giáo trình kể trên không nên coi là giáo trình mang tính hệ thống nếu xét một cách nghiêm khắc, vì chúng không thể thể hiện đại cương và yêu cầu giảng dạy mang tính chuẩn mực, cũng không thể phản ánh kết cấu môn học và lí luận giảng dạy chuẩn mực, phần lớn cốt để thỏa mãn nhu cầu xã hội lúc đó. Sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa, với sự phát triển sự nghiệp Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, thì việc xây dựng giáo trình cũng ngày càng thu hút sự chú ý của nhiều người, và phương pháp giảng dạy cũng được coi trọng hơn và được cải tiến từng bước. “Giáo trình tiếng Hán” do Deng Yi (邓懿) chủ biên được xuất bản vào thập kỉ 50 thế kỉ trước, là giáo trình dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài đầu tiên tại Trung Quốc. Bộ giáo trình này lần đầu tiên nêu rõ hệ thống ngữ pháp hoàn

chỉnh trong việc giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, sử dụng phương pháp phiên dịch truyền thống để làm phương pháp giảng dạy, gây ảnh hưởng rất sâu với những giáo trình tiếng Hán cho người nước ngoài sau này.

Các giáo trình “Tiếng Hán cơ sở”, “Bài tập đọc tiếng Hán” với đối tượng là sinh viên khoa học tự nhiên trong thập kỉ 60, “Giáo trình tiếng Hán” do Li Dejing (李德津) chủ biên vào thập kỉ 70 là những giáo trình tiêu biểu cho trình độ dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài lúc bấy giờ. Vào thập kỉ 80, “Giáo trình tiếng Hán cơ sở” là giáo trình đầu tiên chuyên sử dụng tại nước ngoài, “Giáo trình tiếng Hán thực dụng” là một trong những giáo trình tiếng Hán cơ sở được sử dụng khá nhiều, hai bộ giáo trình đều sử dụng phương pháp nghe và nói, tác giả Lu Bisong(吕必松)[8] cho rằng: “Giáo trình tiếng Hán cơ sở” là một bộ giáo trình chừng chạc, đã được biên soạn theo phương pháp chủ nghĩa kết cấu lúc đó; “Giáo trình tiếng Hán thực dụng” thể hiện trình độ cao nhất về giáo trình tổng hợp thời kì đó.

Bước vào thập kỉ 90, việc xây dựng giáo trình đi vào một thời kỳ phát triển rất lớn, việc biên soạn giáo trình cũng khác nhau so với trước đây, tức phải căn cứ đại cương và chương trình giảng dạy để đưa ra phương án biên soạn cụ thể, chỉ đạo giáo trình biên soạn, mà không phải ngược lại. Kết cấu tổng thể và nội dung, hình thức của giáo trình đều đã thay đổi rất nhiều. Cụ thể là: Coi trọng phương pháp giảng dạy qua thủ pháp giao tiếp; Nội dung bài học phong phú và đa dạng, đề tài rộng rãi, có liên quan đến nhiều mặt về

đời sống xã hội; Về hình thức in ấn, chế bản và thiết kế bìa thiên về sở thích của độc giả và nhu cầu của xã hội. Những thay đổi đó chứng minh việc dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài trong vòng 10 năm qua đã hình thành những quan niệm sau: Coi trọng người học tiếng Hán, chú trọng đào tạo khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ[16]. Song, việc xây dựng giáo trình và giảng dạy chữ Hán vẫn còn nhiều công việc phải làm cả về mặt tính khoa học, tính sáng tạo, và tính đối tượng, tính thú vị.

3. Lược sử nghiên cứu các lĩnh vực dạy tiếng Hán cho người nước ngoài tại Trung Quốc

Nhiều nghĩa hiểu về việc dạy tiếng Hán cho người nước ngoài khiến việc nghiên cứu chúng có phạm vi rộng rãi và nội dung khá phong phú. Từ góc độ ngữ nghĩa về việc dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, nhìn từ tính chất giảng dạy và đặc điểm về quá trình giảng dạy, thì nghiên cứu dạy tiếng Hán cho người nước ngoài nên bao gồm các mặt sau: “Dạy cái gì”, “Học thế nào” và “Dạy thế nào”, cụ thể là : 1) Nghiên cứu quy luật vốn có của tiếng Hán với tư cách là giảng dạy như ngôn ngữ thứ hai; 2) Nghiên cứu chủ thể hoạt động giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, gồm cả nghiên cứu về giáo viên và người học; 3) Nghiên cứu các kinh nghiệm học tập và quy luật tri nhận của tiếng Hán như ngôn ngữ thứ hai; 4) Nghiên cứu lý thuyết và phương pháp giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài; 5) Nghiên cứu lý luận cơ sở về việc giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài[1].

Nhưng, trong thời kì cải cách mở cửa, việc nghiên cứu dạy tiếng Hán cho người nước ngoài mới bắt đầu, nội dung nghiên cứu và thành quả nghiên cứu vẫn còn rất ít, phần lớn là một số bài viết tổng kết và giao lưu kinh nghiệm về những vấn đề, hiện tượng xuất hiện trong quá trình giảng dạy. Vào cuối thập kỉ 70 thì ý thức về ngành học được tăng cường, qua sự cố gắng của chính phủ và giới khoa học, việc nghiên cứu dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài cũng được đi sâu và mở rộng thêm. Vì thế, cả 5 mặt kể trên đều đã được nâng cao một cách rõ ràng, nhưng trong bài viết này chúng ta chỉ giới thiệu sơ lược vài điểm sau về những vấn đề đó.

3.1. Nghiên cứu tiếng Hán với tư cách bản ngữ trong việc dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài, là “cơ sở” và “lực lượng dự bị” của sự phát triển ngành học dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài [15], cũng là một lĩnh vực nghiên cứu được coi trọng nhất và có thành tựu lớn nhất. Các nhà khoa học đã tiến hành nghiên cứu, thảo luận một cách toàn diện và khá tỉ mỉ các khía cạnh của việc dạy tiếng Hán cho người nước ngoài như về mặt ngữ âm, từ vựng, chữ viết, ngữ pháp và ngữ dụng học, v.v... Năm 2000, tác giả Zhang Dexin(张德鑫) khi nhớ lại những thành quả nghiên cứu về tiếng Hán trong 10 năm qua thì đã nhắc tới 13 cuốn sách chuyên khảo mang tính tiêu biểu và 7 cuốn sách công cụ mang tính tiêu biểu và chuyên dùng. Lấy các cuốn sách nghiên cứu về ngữ pháp làm ví dụ, theo sự thống kê của Zhang Wangxi(张旺熹) trong 2 loại tạp chí khoa

học và 11 loại tuyển tập luận án vào năm 1998, thì trong 20 năm qua đã đăng 858 bài khoa học nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Hán; Theo thống kê của Li Quan(李泉) trong tạp chí Giảng dạy và nghiên cứu Ngôn ngữ và các kỹ yếu hội thảo của 2 khóa hội thảo Giảng dạy tiếng Hán quốc tế vào năm 2006, thì trong 20 năm qua đã đăng tải hơn 150 bài báo khoa học về nghiên cứu phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Hán, đã xuất bản hơn 30 bộ chuyên khảo và giáo trình. Tác giả Zhao Jinming(赵金铭)[13] từng nói rằng: Việc giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã giành được nhiều thành quả đáng kể, thành quả nghiên cứu về bản ngữ tiếng Hán đặc biệt đáng khen... Dạy tiếng Hán cho người nước ngoài đã khai thác ra một điểm nghiên cứu mới về tiếng Hán, thu hút được nhiều sự chú ý của các nhà khoa học nghiên cứu tiếng Hán, nắm vững được chỗ khó và đặc điểm của người nước ngoài học tiếng Hán, từ những vấn đề mà người Trung Quốc khó phát hiện đó khai thác ra nhiều đề tài nghiên cứu có giá trị về mặt thực tiễn và lý thuyết, thể hiện những đặc sắc về ngành học, góp phần đặc biệt cho việc nghiên cứu tiếng Hán.

3.2. Nghiên cứu chủ thể (bao gồm giáo viên và người học) trong hoạt động giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài: Nghiên cứu chuyên môn về việc đào tạo đội ngũ cán bộ giáo viên dạy tiếng Hán cho người nước ngoài được bắt đầu vào thập kỷ 80 thế kỷ trước, với tình trạng lúc đó là “số lượng không đủ, trình độ không đều; yêu cầu không thống nhất, tư tưởng không ổn định”

[7]. Các nhà ngôn ngữ học như Zhu Dexi (朱德熙), Lu Bisong (吕必松), Bian Juefei (卞觉非) đã kêu gọi phải triển khai những nghiên cứu tương quan. Từ cuối thập kỷ 90 trở lại đây, giới nghiên cứu khoa học đã xuất hiện một loạt thành quả nghiên cứu về việc đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, xét về mặt nội dung có thể tách ra thành: 1) Nghiên cứu tổ chức cơ bản về giáo viên dạy tiếng Hán cho người nước ngoài; 2) Nghiên cứu về việc đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài; 3) Nghiên cứu về việc đào tạo nhân tài cho ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài. Những nghiên cứu trên đã thúc đẩy việc nâng cao tổ chức tổng hợp cho đội ngũ cán bộ giảng dạy tiếng Hán cho người nước ngoài tại Trung Quốc, đã tăng nhanh tiến trình đào tạo cán bộ giảng dạy và nhân tài cho ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, vì thế đã đẩy mạnh sự phát triển sự nghiệp và ngành học về dạy tiếng Hán cho người nước ngoài [17]. Những thành quả nghiên cứu về người học tiếng Hán chủ yếu tập trung ở những kết quả nghiên cứu về giao lưu kinh nghiệm khi học ngôn ngữ thứ hai.

3.3. Nghiên cứu tri nhận về kinh nghiệm học tiếng Hán với tư cách là ngôn ngữ thứ hai, tức là vấn đề “học thế nào”, trong đó nội dung chính là việc phân tích những hiện tượng mắc lỗi và hệ thống ngôn ngữ trung gian khi người nước ngoài học tiếng Hán. Nhiều người cho rằng, luận văn “Lý luận về ngôn ngữ trung gian và phân tích hiện tượng mắc lỗi ngữ âm của người nước ngoài học

tiếng Hán” của Lu Jianji (鲁健骥) phát biểu vào năm 1984 là tiêu chí bắt đầu nghiên cứu về lĩnh vực này. Xu Ziliang(徐子亮) [10] nêu rõ, lịch sử nghiên cứu lý luận về dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài trong vòng 20 năm có thể tách ra thành 3 giai đoạn sau: 1) Trước năm 1992, trên cơ sở phân tích, so sánh đi vào phân tích hiện tượng mắc lỗi; 2) Từ năm 1992 - 1997, phân tích hiện tượng mắc lỗi trên cơ sở nghiên cứu lý luận ngôn ngữ trung gian trở thành điểm nóng, và bắt đầu chuyển tới nghiên cứu quá trình học tập ngôn ngữ; 3) Từ năm 1998 - 2002, trên cơ sở vốn có đi sâu nghiên cứu từ nhiều góc độ, đã xuất hiện nhiều thành quả khoa học nghiên cứu về phương pháp học tập và kinh nghiệm học tập, đồng thời phương pháp nghiên cứu cũng ngày càng đa dạng và khoa học. Việc nghiên cứu, phân tích hiện tượng mắc lỗi, nghiên cứu ngôn ngữ trung gian và nghiên cứu về kinh nghiệm học tập của ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài tại Trung Quốc hầu như được tiến hành cùng một thời kì trên thế giới, tuy độ sâu và độ rộng so với quốc tế còn có hạn, nhưng cũng đã giành được một số thành quả nghiên cứu với trình độ cao và thu hút được nhiều sự chú ý của học giả trong và ngoài nước. Chẳng hạn, kho ngữ liệu về ngôn ngữ trung gian trong tiếng Hán, thành quả nghiên cứu của trường Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh đã thu hút nhiều học giả chú ý và được sử dụng rộng rãi[4].

3.4. Về việc nghiên cứu lý luận, phương pháp và nghiên cứu lý luận cơ sở của ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài: Trên thực tế thì vấn đề trước là nghiên cứu vấn đề

“dạy thế nào”, vấn đề sau là nghiên cứu các vấn đề lý luận của các ngành học khác có liên quan đến ngành học dạy tiếng Hán cho người nước ngoài. Việc nghiên cứu lý luận dạy tiếng Hán cho người nước ngoài bắt đầu từ thập kỉ 50 thế kỉ trước, chú ý so sánh giảng dạy ngữ âm khác nhau khi dạy tiếng Hán cho người trong nước và người ngoài nước, chú trọng thực tiễn và vận dụng ngôn ngữ, giải quyết những vấn đề cụ thể trong quá trình giảng dạy. Tất cả những công việc kể trên đã đặt cơ sở rất tốt cho việc nghiên cứu sâu hơn nữa trong tương lai.

Từ thập kỉ 80 trở đi, việc xây dựng lý luận giảng dạy bắt đầu bước vào một thời kì phát triển toàn diện, bắt đầu sử dụng phương pháp nghiên cứu vĩ mô để nghiên cứu ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài. Trong thời kì đó, nội dung nghiên cứu bao gồm cả bản chất và đặc điểm của ngành học này, và đã nêu rõ nhiệm vụ xây dựng ngành học và lý luận thiết kế tổng thể; Nghiên cứu toàn diện các khâu hoạt động giảng dạy; đi sâu vào nghiên cứu kỹ năng giảng dạy, nguyên tắc giảng dạy và phương pháp giảng dạy; đưa ra phương pháp khác nhau để rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ khác nhau. Từ thập kỉ 90 trở đi, trong giới ngôn ngữ học Trung Quốc đã xuất hiện xu thế đi sâu nghiên cứu lý luận và lý luận giảng dạy kết hợp chặt chẽ với lý luận cơ sở của ngành học, thông qua học tập phương pháp nghiên cứu về ngành học lý luận cơ sở để tìm hiểu rõ các vấn đề có liên quan tới ngành học này. Vì thế, những vấn đề như kết cấu của môn học trước đây ít

được đề ý bây giờ đã được nhiều người quan tâm tới và đang được nghiên cứu một cách khá sâu.

Kết luận: Tóm lại, mặc dù ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài tại Trung Quốc đã giành được nhiều thành tích đáng kể, nhưng so với một số ngành học đã ra đời và phát triển trong thời gian dài, và đặc biệt là so với ngành dạy ngôn ngữ thứ hai là những ngôn ngữ đang có sức mạnh (như tiếng Anh), thì ngành học này vẫn còn nhiều bất cập cả về lí luận nghiên cứu và về mặt ứng dụng. Là nơi khởi nguồn ngành dạy tiếng Hán cho người nước ngoài, Trung Quốc chắc chắn sẽ phải và nên trở thành đầu đàn của ngành học này trên thế giới.



CHÚ THÍCH – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chen Changlai (陈昌来) 主编, 对外汉语教学概论[M]. 复旦大学出版社, 2005.
2. Cheng Aimin (程爱民), 再谈对外汉语教学学科的发展[J]. 云南师范大学学报(对外汉语教学与研究版), 2007 (6) .
3. Cui Xiliang (崔希亮), 对外汉语教学与汉语国际教育的发展与展望[J]. 语言文字应用 2010 (2) .
4. Cui Yonghua (崔永华), 二十年来对外汉语教学研究热点回顾[J]. 语言文字应用, 2005 (1) .
5. Li Quan (李泉), 对外汉语教学语法研究述评[J]. 世界汉语教学, 2006 (2) .
6. Lu Jianji (鲁健骥), 中介语理论与外国人学习汉语的语音偏误分析[J]. 语言教学与研究, 198 (3) .
7. Lu Bisong (吕必松), 对外汉语教学的紧迫任务[J]. 世界汉语教学, 1987 (1) .
8. Lu Bisong (吕必松), 对外汉语教学发展概要[M]. 北京语言学院出版社, 1990.
9. Pan Wenguo (潘文国), 论“对外汉语”的学科性[J]. 世界汉语教学, 2004 (1) .
10. Xu Ziliang (徐子亮), 对外汉语学习理论研究二十年[J]. 世界汉语教学, 2004 (4) .
11. Zhang Dexin (张德鑫), 对外汉语教学五十年——世纪之交的回眸与思考[J]. 语言文字应用, 2000 (1) .
12. Zhang Wangxi (张旺熹), 近 20 年汉语教学语法问题研究概述[A], 中国对外汉语教学学会第六次学术讨论会论文选[C]. 华语教学出版社, 1998.
13. Zhao Jinming (赵金铭), 对外汉语教学研究的现状与前瞻[J]. 中国语文, 1996 (6) .
14. 中国大百科全书总编辑委员会, 《语言文字》编辑委员会编 中国大百科全书·语言文字[Z]. 中国大百科全书出版社, 1988.
15. Zhu Dexi (朱德熙), 在纪念《语言教学与研究》创刊十周年座谈会上的发言[J]. 语言教学与研究, 1989 (3) .
16. Zhu Zhiping, Jiang Lili, Ma Siyu (朱志平、江丽莉、马思宇), 1998-2008 十年对外汉语教材述评[J]. 北京师范大学学报(社会科学版), 2008 (5) .
17. Zhang Hesheng (张和生), 对外汉语教师素质与培训研究的回顾与展望[J]. 北京师范大学学报(社会科学版) 2006 (3) .

